

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

NGÀNH CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN

CHUYÊN NGÀNH: CẢNH QUAN VÀ KỸ THUẬT HOA VIÊN

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: THỰC VẬT HỌC VÀ PHÂN LOẠI THỰC VẬT
- Tên tiếng Anh: Plants and Plant Classification
- Mã học phần: 202416
- Số tín chỉ: 02
- Điều kiện tham gia học tập học phần:
Môn học tiên quyết: Không
Môn học trước: Sinh học Đại cương
- Bộ môn: Sinh học
- Khoa: Khoa học
- Phân bố thời gian: 10 tuần
- Học kỳ: 2 (năm thứ 1)
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Cơ bản <input checked="" type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Khoa học, Trường ĐHNL TP. HCM
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học, Trường ĐHNL TP. HCM
- Điện thoại, email: 028-3722-0262; 0933-285-085; huongtran@hcmuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Sinh học đại cương; Sinh học thực vật; Thực vật học và phân loại thực vật; Sinh lý thực vật.
- Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email):

III. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của tế bào, mô, các cơ quan sinh dưỡng, các cơ quan sinh sản và các loại hormone sinh trưởng của thực vật.

Học phần cung cấp các đặc điểm chung của từng ngành trong giới thực vật từ đó sắp xếp các loài thực vật vào các ngành phù hợp theo trình tự tiến hóa. Cách viết tên khoa học của các bậc phân loại.

Vận dụng kiến thức vào thực tiễn thiết kế cảnh quan, trồng trọt, nhân giống, nuôi cấy mô,...

Việc tiếp cận kiến thức ở mỗi chương được trình bày dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm và bài tập nhóm. Nhu cầu mở rộng kiến thức của sinh viên được bổ sung bằng các tài liệu tham khảo kèm theo.

IV. Mục tiêu và chuẩn đầu ra

Mục tiêu:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản để phân biệt tế bào thực vật và tế bào động vật; các loại mô thực vật; phân biệt cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của thực vật một lá mầm và thực vật hai lá mầm thuộc ngành hạt kín; các loại hormone sinh trưởng của thực vật, các hình thức sinh sản của thực vật và ứng dụng của chúng trong thực tiễn.

Nắm được cách gọi tên các bậc phân loại và sự phân chia giới thực vật theo trình tự tiến hóa.

Vai trò của thực vật trong tự nhiên và đời sống con người.

Chuẩn đầu ra:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (Bảng thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT, trích từ mẫu 5.4).

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT															
		PLO															
202416	Thực vật học và phân loại thực vật	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		H	N	S	N	S	S	S	S	S	N	N	N	N	S	S	S

Ghi chú:

N : Không đóng góp/không liên quan

S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

- Chuẩn đầu ra của học phần (theo thang đo năng lực của Bloom):

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Phân biệt được cấu trúc và chức năng của tế bào Prokaryotes và Eukaryotes; tế bào thực vật và tế bào động vật Nắm được vị trí, cấu tạo và chức năng của các loại mô thực vật Phân biệt thực vật lớp một lá mầm và thực vật lớp hai lá mầm của ngành hạt kín dựa vào hình thái và cấu tạo giải phẫu	PLO1
CLO2	Ứng dụng các hormone sinh trưởng, các hình thức sinh sản của thực vật vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp, thiết kế cảnh quan, cảnh quan và kỹ thuật hoa viên... Vận dụng các kiến thức về hình thái - giải phẫu học thực vật để phân biệt các ngành thực vật. Sắp xếp các loài thực vật vào các bậc phân loại phù hợp Xác định được mối quan hệ giữa học phần với các học phần khác như thực vật cảnh quan, sinh lý thực vật, sinh thái học...	PLO1, PLO3, PLO5
CLO3	Nhận thức được hệ thực vật vô cùng đa dạng, phong phú và giá trị to lớn của chúng trong tự nhiên. Nhận biết được một số loài thực vật phổ biến và vai trò của chúng đối với cảnh quan môi trường và đời sống	PLO1, PLO5
<i>Kĩ năng</i>		
CLO4	Có khả năng hệ thống hoá kiến thức, phân tích vấn đề và giải quyết vấn đề.	PLO8
CLO5	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng thuyết trình để trình bày quan điểm và có khả năng phản biện.	PLO7, PLO9
CLO6	Đọc được một số thuật ngữ chuyên ngành (tiếng Anh) để có thể tham khảo và đối chứng tài liệu.	PLO6
<i>Thái độ và phẩm chất đạo đức</i>		
CLO7	Có ý thức tự học hỏi để nâng cao trình độ, nâng cao kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.	PLO14
CLO8	Có thái độ đúng đắn trong hoạt động sống và hoạt động nghề nghiệp	PLO15, PLO16

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Powerpoint và Video
- Thảo luận theo nhóm.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tham gia nghe giảng, làm bài tập nhóm, thảo luận nhóm và thuyết trình.
- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề (giả định nào đó) đặt ra.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số buổi học trên lớp.

Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc trước bài giảng, các tài liệu có liên quan và làm các bài tập do giảng viên cung cấp.

Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi, tôn trọng sở hữu trí tuệ.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Bảng 1. Matrix đánh giá CĐR của học phần (tỷ lệ điểm theo quy chế học vụ của trường ĐHNL TP.HCM)

Các CĐR của học phần	Chuyên cần	Bài tập nhóm	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ
	(10%)	(20%)	(10%)	(60%)
CLO1	X	X	X	X
CLO2	X	X	X	X
CLO3	X	X	X	X
CLO4	X	X	X	X
CLO5	X	X		
CLO6	X	X		
CLO7		X		
CLO8		X		

Lưu ý: Các hình thức tính điểm quá trình (chuyên cần, thuyết trình, thi giữa kỳ...) là ví dụ minh họa. GV chủ động áp dụng phương pháp đánh giá điểm quá trình và đảm bảo theo đúng quy định tại quy chế học vụ.

Bảng 2. Rubric đánh giá học phần

1. Điểm chuyên cần

Điểm chuyên cần chiếm 10% tổng số điểm của học phần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận	
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4	
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70-80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học	
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu và trả lời nhiều câu hỏi	Có tham gia đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, có trả lời hay đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời ngay cả khi được chỉ định	

2. Bài tập nhóm

Mỗi nhóm có từ 5 -7 sinh viên thực hiện. Điểm bài tập nhóm chiếm 20% tổng số điểm của học phần.

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận	
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4	
Nội dung	40	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày chỉ một số nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	
Hình thức bài báo cáo	20	Cách trình bày báo cáo lôi cuốn, rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm	Cách trình bày báo cáo rõ ràng, dễ hiểu.	Trình bày dạng đọc, khó theo dõi, không được sự quan tâm từ người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung	

Trả lời câu hỏi	20	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời được trên 50% câu hỏi và có cách trả lời hợp lý cho những phần chưa trả lời được	Trả lời được 25% - 50% câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào	
Làm việc nhóm	20	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên một cách hỗ trợ	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Không có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Bài lấy từ nguồn khác, không phải trực tiếp soạn	

3. Thi giữa kỳ

Bài thi viết tại lớp. Điểm thi giữa kỳ chiếm 10% tổng số điểm của học phần.

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận	
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4	
Bài làm	100%	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế và giải thích các khả năng xảy ra. Đủ kiến thức cho nội dung tiếp theo của môn học	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước. Đủ kiến thức cho nội dung tiếp theo của môn học	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học. Chưa đủ kiến thức cho nội dung tiếp theo của môn học, cần tập trung nỗ lực	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn	

4. Thi kết thúc môn học

Bài thi bao gồm các nội dung: câu hỏi trắc nghiệm; câu hỏi đúng - sai và giải thích; vẽ hình. Điểm thi kết thúc môn học chiếm 60% tổng số điểm của học phần.

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận	
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4	
Bài thi	100%	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong thực tế. Đáp ứng tốt với mục tiêu môn học	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước. Đạt được các mục tiêu đề ra của môn học	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học nhưng chưa vững. Phải bổ sung lại kiến thức khi gặp lại các kiến thức này trong các môn học tiếp theo.	Không nhớ các kiến thức đã học. Phải học lại môn học	

5. Đánh giá chung

Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1	0
Đánh giá chung	Hoàn thành môn học loại xuất sắc	Hoàn thành môn học loại giỏi	Hoàn thành môn học loại khá giỏi	Hoàn thành môn học loại khá	Hoàn thành môn học loại trung bình khá	Hoàn thành môn học loại trung bình	Hoàn thành môn học	Không đạt			

Lưu ý: Học phần giảng dạy có bao nhiêu hình thức đánh giá thì phải có hình thức đánh giá tương ứng (tham khảo bảng Rubric đánh giá học phần mẫu 5.8)

VIII. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

- Hoàng thị Sản, Nguyễn Phương Nga (2006). Hình thái - giải phẫu học Thực vật. NXB Đại học Sư phạm, 381 trang.
- Hoàng Thị Sản (2011), Phân loại học thực vật, NXB Giáo dục Hà Nội, 224 trang.

* Tài liệu tham khảo:

- Jane B. Reece, Lisa A. Urry, Michael L. Cain, Steven A. Wasserman, Peter V. Minorsky, Robert B. Jackson (2013). Biology (10th edition), Pearson Education, 1393 pages.

2. Shipunov, Alexey (2018). Introduction to Botany. Minot State University (North Dakota, USA), 181 pages.

3. William G. Hopkins and Norman P. A. Huner (2009). Introduce to Plant Physiology (4th edition). John Wiley & Sons, Inc., 503 pages.

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần/ Chương	Nội dung	CĐR chi tiết (LLOs)	Hoạt động dạy và học	Hoạt động đánh giá	CĐR học phần (CLOs)
1/1	Chương 1. TẾ BÀO THỰC VẬT 1.1. Một số khái niệm 1.2. Các thành phần cơ bản của tế bào thực vật - <i>Vách tế bào</i> - <i>Lạp thể</i> - <i>Không bào</i>	- Phân biệt được tế bào Prokaryotes và Eukaryotes - Phân biệt được tế bào thực vật và tế bào động vật	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận/ bài tập nhóm	Chuyên cần, bài tập nhóm, thi giữa kỳ, thi kết thúc môn học	CLO1
1&2/2	Chương 2. MÔ THỰC VẬT 2.1. Mô phân sinh - <i>Mô phân sinh sơ cấp</i> - <i>Mô phân sinh thứ cấp</i> 2.2. Các loại mô sơ cấp - <i>Mô bì</i> - <i>Mô cơ bản</i> - <i>Mơ cơ</i> - <i>Mô dẫn</i> - <i>Mô tiết</i> 2.3. Các loại mô thứ cấp - <i>Mô bì</i> - <i>Mô dẫn</i>	Nhận biết được vị trí, cấu tạo và chức năng của các loại mô thực vật	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận/ bài tập nhóm	Chuyên cần, bài tập nhóm, thi giữa kỳ, thi kết thúc môn học	CLO1, CLO2, CLO3
3&4/3	Chương 3. CƠ QUAN SINH DƯỠNG 3.1. Rễ cây - <i>Chức năng</i> - <i>Phân loại rễ cây</i> - <i>Cấu tạo giải phẫu</i> - <i>Biến dạng và sự thích nghi</i> 3.2. Thân cây - <i>Chức năng</i> - <i>Phân loại thân cây</i> - <i>Cấu tạo giải phẫu</i> - <i>Biến dạng và sự thích nghi</i> 3.3. Lá cây - <i>Chức năng</i> - <i>Hình thái</i> - <i>Cấu tạo giải phẫu</i> - <i>Biến dạng và sự thích nghi</i>	Phân biệt được thực vật lớp một lá mầm và thực vật lớp hai lá mầm của ngành hạt kín dựa vào hình thái và cấu tạo giải phẫu	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận/ bài tập nhóm	Chuyên cần, bài tập nhóm, thi giữa kỳ, thi kết thúc môn học	CLO1, CLO2, CLO3

5&6/4	<p>Chương 4. CƠ QUAN SINH SẢN</p> <p>4.1. Hoa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành phần của hoa - Hoa tự - Hoa thức - Hoa đở - Sự thụ phấn và sự thụ tinh <p>4.2. Hạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành phần của hạt - Sự phát tán và sự nảy mầm của hạt <p>4.3. Quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành phần của quả - Phân loại quả - Sự phát tán quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hoa của thực vật lớp một lá mầm và lớp hai lá mầm - Viết được hoa thức và vẽ hoa đở của một số loài thực vật - Nắm được các hình thức phát tán và nảy mầm của hạt - Phân biệt được các loại quả 	Thuyết giảng, trình chiếu, thảo luận/ bài tập nhóm và thi giữa kỳ	Chuyên cần, bài tập nhóm, thi giữa kỳ, thi kết thúc môn học	CLO1, CLO2, CLO3
6&7/5	<p>Chương 5. HORMONE SINH TRƯỞNG Ở THỰC VẬT</p> <p>5.1. Các loại hormone sinh trưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hormone kích thích sinh trưởng - Các hormone ức chế sinh trưởng <p>5.2. Ứng dụng</p>	Vận dụng kiến thức về các hormone sinh trưởng ở thực vật vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp, cảnh quan, môi trường...	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận/ bài tập nhóm	Chuyên cần, bài tập nhóm, thi giữa kỳ, thi kết thúc môn học	CLO2, CLO3
7/6	<p>Chương 6. CÁC HÌNH THỨC SINH SẢN Ở THỰC VẬT</p> <p>6.1. Sinh sản vô tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh sản sinh dưỡng - Sinh sản bằng bào tử <p>6.2. Sinh sản hữu tính</p>	Ứng dụng các hình thức sinh sản như giâm cành, ghép cành, chiết cành, nuôi cấy mô vào thực tiễn	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận/ bài tập nhóm	Chuyên cần, bài tập nhóm, thi giữa kỳ, thi kết thúc môn học	CLO2, CLO3
8, 9 &10/7	<p>Chương 7. PHÂN LOẠI THỰC VẬT</p> <p>7.1. Vai trò của giới thực vật</p> <p>7.2. Các nguyên tắc phân loại</p> <p>7.3. Sự phân chia giới thực vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm thực vật không mạch - Nhóm thực vật có mạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của thực vật trong tự nhiên, đời sống con người và động vật. - Nắm được cách viết tên khoa học của các bậc phân loại - Sự sắp xếp các ngành trong giới thực vật theo trình tự tiến hóa 	Thuyết giảng, trình chiếu và thảo luận/ bài tập nhóm	Chuyên cần, bài tập nhóm, thi giữa kỳ, thi kết thúc môn học	CLO1, CLO2, CLO3

X. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết)					Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TH/TT	Tự học	
Chương 1. Tế bào thực vật	1		1		4	6
Chương 2. Mô thực vật	3		1		8	12
Chương 3. Cơ quan sinh dưỡng	4		2		12	18
Chương 4. Cơ quan sinh sản	4		1		10	15
Chương 5. Các hormone sinh trưởng ở thực vật	1		1		4	6
Chương 6. Các hình thức sinh sản ở thực vật	1		1		4	6
Chương 7. Phân loại thực vật	7		2		18	27
TỔNG	21	0	9	0	60	90

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Phòng học, thực hành: phòng học

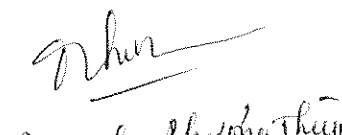
Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, hệ thống âm thanh, bảng, phấn màu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2023

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)


TS. Nguyễn Thị Mai

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Phương Thủy

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Thanh Hương

